

Kỷ Niệm Phan Chu Trinh (1872-1926)

24 tháng 3 năm 2004 (4 tháng 3 năm Giáp Thân)



(Hình lấy từ Internet)

Vài hàng tóm lược về Tiểu sử: Cụ Phan Chu Trinh hiệu là **Tây Hồ**, người làng Tây Lộc (Quảng Nam), sinh tháng 8 năm 1872 (nhâm thân). Đầu Phó Bảng năm 1901, Cụ được bổ làm quan ở Huế, nhưng đã từ quan theo đuổi cuộc cách mạng cải tiến dân sinh và dân trí của người Việt Nam thời bấy giờ đang bị Pháp dùng chính sách “ngu dân” để cai trị.

Cụ Phan Chu Trinh là một nhà Cách Mạng yêu nước với chủ trương “bất bạo động”. Cụ đã vận động và cổ súy phong trào Duy Tân, mở trường dạy học, truyền bá Quốc Ngữ, mở mang công thương nghiệp, theo nếp sống văn minh Âu Tây (cắt tóc ngắn, mặc âu phục), bỏ lối học từ chương, theo đường lối dân chủ tiên bộ. Năm 1906, Cụ trốn qua Nhật theo phong trào Đông Du, nhưng bất đồng chính kiến với chủ trương bạo động của nhà Cách Mạng Phan Bội Châu, Cụ về nước tiếp tục hoạt động, bị Pháp bắt, bị triều đình Huế kết án tử hình, nhưng sau đó được giảm án đầy ra Côn Đảo. Năm 1911, sau khi được tha, Cụ Phan Chu Trinh sang Pháp. Tại đây, Cụ vận động tinh thần yêu nước của kiều bào tại Pháp và vận động người Pháp cải thiện chính sách cai trị tàn bạo tại Việt Nam. Cụ Phan bị bệnh mất ngày 24 tháng 3 năm 1926 tại Sài Gòn, cách nay vừa đúng 78 năm.

Sau đây là bài biên khảo của **Nguyễn Quý Đại** về cuộc đời và sự nghiệp của nhà cách mạng yêu nước Phan Chu Trinh và Thơ Xướng Họa của **Vô Tình & Hoàng Vũ**.

Tưởng niệm lần giỗ thứ 78 nhà cách mạng của Quảng Nam

PHAN CHU TRINH và CUỘC ĐỜI CÁCH MẠNG (1872-1926)

Những nét về cuộc đời cách mạng

Phan Chu Trinh sinh tháng 8 năm 1872 (nhâm thân) tại làng Tây-Lộc phủ Tam-Kỳ Quảng Nam, tự Tử Cán hiệu là Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã. Xuất thân gia đình có danh tiếng tại Tiên-Phước, thân phụ Phan Chu Trinh cụ Phan văn Bình làm quan chức Quản Cơ Sơn Phòng (chức quan võ trong coi biên giới các vùng núi) thân mẫu bà Lê thị Trung (Chung ?) con gái nhà vọng tộc ở làng Phú Lâm thông chữ hán. Phan Chu Trinh là con trai út, thi đỗ cử nhân năm 1900, Phó bảng 1901 đến năm 1902 được hậu bổ ở Huế làm quan. Phan Chu Trinh lập gia đình năm 1896 lúc 25 tuổi vợ là Lê Thị Ty (1877-1914) lúc bà 19 tuổi người làng An Sơn, Tiên Phước.

Bối cảnh lịch sử

Quân Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Việt ngày 05.07.1885. Tướng De Courcy đem đại quân đánh úp Kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết (1835-1913) xa giá vua Hàm Nghi (1872-1943) ra khỏi Kinh thành. Các đạo quân De Courcy chỉ huy vẫn đuổi theo truy lùng. Tôn Thất Thuyết phải đưa vua chạy đến Tân Sở (Quảng Trị) thảo hịch Cần Vương được các sĩ phu khắp nơi hưởng ứng lời kêu gọi, nổi lên chống Pháp, bấy giờ cụ Phan Văn Bình hưu trí, nhưng hưởng ứng Phong trào Cần Vương làm chuyên vận sứ ở đồn A-Bá Tiên Phước và lập đồn điền để trồng hoa màu tiếp tế cho đội quân Cần Vương.

Quê nhà bị giặc đốt cháy, gia đình phải tản cư đến chiến khu của thân phụ. Trong thời gian này được học võ thông thạo với hy vọng để nối nghiệp cha cứu nước. Phong trào Cần Vương (Nghĩa Hội Quảng Nam tháng 7-1885 đến tháng 8-1887) do ông Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887) và Trần Văn Dư (1839-1885) lãnh đạo.

Tổng trú sứ Bihourd đề nghị với Đồng Khánh sai Nguyễn Thân đánh dẹp Phong trào Nghĩa Hội Quảng Nam. Nguyễn Thân đánh Tam Kỳ và phá nhiều căn cứ quân Cần Vương. Nguyễn Duy Hiệu vốn người nóng tính không kiềm nhận tin tức ? nghi ngờ Phan Văn Bình (?- 1887) theo Pháp, ra lệnh cho nghĩa binh bắt ngờ giết Phan Văn Bình và người con nuôi Phan Vô vào ngày 15.06.1886 tại cầu Mỹ Lý.

Nguyễn Thân tiếp tục truy lùng quân Cần Vương, bắt gia đình Nguyễn Duy Hiệu tại thượng nguyên Phước Sơn làm con tin, yêu cầu ông ra đầu hàng vì lòng hiếu thương mẹ già và gia đình. Ông phải về với triều đình (Đồng Khánh) lãnh bản án tử hình.

Đồng Khánh lên ngôi 14.9.1885 làm vua bù nhìn. Triều đình có số quan lại muốn yên thân cúi đầu tuân theo lệnh của bọn thực dân, xã hội và triều đình bị phân hoá trầm trọng chia làm hai phe. Phe theo kháng chiến cứu quốc, phe còn lại hàng giặc để thừa hưởng, vinh thân phì gia.

Cuộc kháng chiến của vua Hàm Nghi thất bại, các tên thổ phi Lê Quang Ngọc, và Nguyễn Đình Thìn chỉ điểm cho Pháp. Đêm 01.11.1888 bắt vua Hàm Nghi giao cho Đại úy Boulanger vào ngày 04.11.1888, đến trung tuần tháng 8 năm 1889 đưa sang Bắc Phi lưu đày. Các phong trào Văn Thân, Cần Vương bị dẹp tan. Trong giai đoạn ngắn với chính quyền thực dân được xem như ổn định, nhưng không dập tắt được lòng yêu nước của toàn dân Việt Nam. Nhất là thế hệ trẻ từ năm 1930 của Việt Nam Quốc Dân Đảng và tiếp tục chống thực dân cho đến ngày giành lại được độc lập.

Các tay sai đắc lực như Nguyễn Thân (1840-1914), Hoàng Trọng Phu, Hoàng Cao Khải (1850-1933), Lê Hoan, Nguyễn Trọng Hợp (1834-1902), Phạm Ngọc Quát v.v. lịch sử phê phán, người đời nguyên rủa. Các tên phản quốc Ngọc và Thìn đều bị nghĩa quân Phan Đình Phùng (1844-1895) giết để làm gương cho hậu thế.

Quân Pháp chiếm thành Hà Nội, Tổng đốc Hoàng Diệu (1828-1880) hy sinh. Từ năm 1882 các phong trào chống Pháp cùng những người yêu nước đều gục ngã trước súng đạn, tử hình dưới lưỡi đao oan nghiệt. Hoàn cảnh xã hội làm thay đổi tư tưởng đấu tranh của Phan Chu Trinh lúc trưởng thành.

Sau cơn quốc biến và gia biến, Phan Chu Trinh từ giả chiến khu (Cần vương) về quê sống với anh Phan Văn Cừ, xây dựng lại nhà cửa bị giặc đốt cháy. Phan Chu Trinh lúc 6 tuổi mồ côi mẹ, thân phụ bị giết lúc 16 tuổi, nhưng được người anh gởi đến thụ giáo với cụ đốc học Trần Đình Phong (Mã Sơn) năm 1889 đến trường tại làng Thanh Chiêm quận Điện Bàn, cách Hội An và Đà Nẵng có nhiều cơ hội về hai nơi trên mua sách vở, tiếp xúc với nền văn minh Phổ hội và nổi tiếng học giỏi thông minh. Năm 1902 đậu Phó bảng bổ làm quan ở Huế, người anh cả mất Phan Chu Trinh về để tang, ở nhà dạy học đến năm Quý Mão 1903 lại được bổ Thừa-biện bộ lễ.

Kinh đô Huế là Trung tâm văn hoá, Phan Chu Trinh tiếp xúc nhiều giới trí thức tân học như Đào Nguyên Phổ (1861-1907), Thân Trọng Huề (1869-1925) Phan Bội Châu (1867-1940). Đọc sách tiếp thu nhiều tư tưởng mới, tàu bè ngoại quốc đến Đà Nẵng bán sách cho sĩ phu Việt Nam. Từ đó Phan Chu Trinh tiếp thu ý thức thể hệ mới, cái nhìn về tư tưởng dân quyền và dân chủ.

Theo nhà văn Trần Gia Phụng có thể Phan Chu Trinh đọc qua các tác phẩm:

“Trung quốc chiến kỷ” chiến tranh Trung Hoa Nhật Bản (1894-1895), “Phổ Pháp chiến kỷ” chiến tranh Đức Pháp (1870-1871), “Dinh hoàn chí lược” sơ lược về địa lý thế giới, “Trung quốc hồn, Nhật Bản duy tân sử” Tân Văn, Dân Tùng Báo do Lương Khải Siêu chủ trương, “Mậu Tuất chính biến”, cuộc chính biến năm Mậu Tuất 1898 thời vua Quan Tự.

Lúc ấy sách Tân thư, của Khang Hữu Vi, (K'ang Yu Wei 1858-1927) Lương Khải Siêu (Liang Ch'i Ch'ao 1837-1929) và sách của các tác giả: Montesquieu(1689-1755), Rousseau (1712-1778), Voltaire (1694-1778) được dịch sang tiếng Trung Hoa (vì thời bấy giờ giới trí thức Việt Nam học Hán văn) (1).

Nhà văn Nguyễn Văn Xuân cho rằng: Phan Chu Trinh ảnh hưởng sâu rộng tư tưởng. Duy Tân của tác giả Nguyễn Lộ Trạch với “Thiên Hạ Đại Thế Luận” (2).

Phong Trào Duy Tân

Cuối năm 1904 Phan Chu Trinh từ quan, rời Huế không muốn làm việc trong cảnh nô lệ. Triều đình có Vua nhưng chỉ để thi hành mệnh lệnh của chính phủ bảo hộ mà thôi, chứ không có quyền hành gì cả.

Phan Chu Trinh cùng hai người bạn thân là Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp, không làm quan để vinh thân phì gia chọn con đường đấu tranh nhiều chông gai, dẫn thân hoạt động trong Phong Trào Duy Tân tại Quảng Nam.

Phong trào Duy Tân chủ trương bắt bạo động, công khai hoạt động nhằm khai hoá dân tộc, cải cách trên mọi lãnh vực, khuyến khích giáo dục bỏ lối học từ chương, truyền bá canh tân mở mang công thương nghiệp, chấn hưng công nghệ, bỏ mê tín dị đoan, kêu gọi cắt tóc ngắn, cắt móng tay, phát động phong trào học Quốc ngữ.

Phong Trào Duy Tân chống lại lối học từ chương, trong lúc triều đình Huế vẫn duy trì lối học thi phú, qua các loại sách như “Tứ Thư Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử” và Ngũ kinh. Cho đến năm 1913 Triều đình bắt đầu cải cách, năm 1917 khóa thi Hương cuối cùng chấm dứt chương trình học cổ điển!

Trong lúc Tây Phương họ học toán, phát triển văn-minh, khoa-học, kỹ-thuật tiến bộ, người ta dùng kỹ nghệ nặng như đóng tàu, đúc súng...đem lại đời sống phồn thịnh. Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cùng nhau đi vào miền Nam, tới Bình Định gặp quan tỉnh khảo học trò bài thơ “Chí Thành Thông Thánh” và bài phú “Danh Sơn Lương Ngọc”; Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp làm bài phú. Phan Chu Trinh làm bài thơ “Chí Thành Thông Thánh” nói rõ về thời sự để đánh thức học sinh và đồng bào đang ngủ quên.

Chí thành thông thánh

Việc đời ngoảnh lại thành không
Còn đâu giọt lụy non sông khóc người
Muôn dân luận cú tôi đòi
Văn chương bát cổ say hoài giấc mơ

Mặc ai chửi rửa tha hồ,
Xích xiềng này biết bao giờ tháo xong?
Anh em còn chút máu nồng
Hãy đem văn ấy đọc cùng nhau nghe...
(Á nam Trần Tuấn Khải dịch)

Bài thơ và phú đó gây phản ứng mạnh tại trường thi, mục đích cảnh tỉnh học trò sĩ tử còn mê muội với từ chương thi phú, ham công danh quên đất nước đang chìm trong vòng nô lệ. Đó cũng là cách vận động gây tiếng vang trong giới trí thức và quần chúng.

Chính quyền địa phương truy lùng tác giả các bài trên, nhưng các cụ đã đi xa vào tới Nha Trang, xem hạm đội Nga do đô đốc Rojestvensky chỉ huy tạm thả neo chờ ngày cấp cứu Lữ Thuận (Lu Shun).

Ba người tới Phan Thiết gặp các ông Trương Gia Mô (1866-1930), Hồ Tá Bang (1875-1943), Nguyễn Trọng Lô (?1911) cùng bàn chuyện Duy Tân, thành lập công ty Liên Thành và mở trường Dục Anh. Phan Chu Trinh bị bệnh nên không thể tiếp tục xuôi Nam, phải ở lại dưỡng bệnh Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), Trần Quý Cáp (1870-1908) trở về hoạt động tại Quảng Nam, có thêm Lê Bá Trinh (1875- ?), Phan Thúc Duyện (1873-1944) là những người khoa bảng không ra làm quan, tham gia vận động mạnh cho Phong Trào Duy Tân.

Phong Trào với chủ thuyết Dân Quyền được trực tiếp vận động trong quần chúng, thực hành theo phương thức hoạt động của Khang hữu Vi và Lương Khải Siêu. Khác với Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895), Nguyễn Trường Tộ (1828-1817), Phan Thanh Giản (1796-1867), Phạm Phú Thứ (1820-1883) viết nhiều điều trần gởi cho triều đình Huế, bị bỏ quên!

Tại Quảng Nam các thương hội dệt các thứ vải dày có thể may Âu phục. Phan Chu Trinh đích thân làm gương cắt may, mặc bộ đồ tây bằng vải nội, hàng vải tơ lụa nội hóa được cải tiến, làng Bảo An, Điện Bàn nổi tiếng dệt đẹp cần phát triển thủ công nghệ để có thể cạnh tranh với tơ lụa nhập cảng.

Nông Hội phát triển lớn nhất tại Yên Nê, (Điện Bàn) rộng chừng 20 mẫu trồng khoai, sắn, bắp, cho trồng cây dương liễu để cản gió theo hai bên bờ sông, còn lại dẫu tích cho đến ngày nay. Mỹ Sơn (Duy Xuyên) rộng khoảng 40 mẫu trồng hoa màu và cây lúa, Bửu Sơn (Đại Lộc) khai phá để trồng lúa.

Về thương nghiệp cạnh tranh với thương gia Trung Hoa. Các thương hội tổ chức, phương pháp làm việc kết quả tốt như thương hội Phong Thử (Điện Bàn) do Phan Thúc Duyện trông coi, địa điểm thuận lợi cho việc giao thông bằng đường thủy ghe lớn có thể cập bến được, tập nập người đến buôn bán, Hội An thương cuộc do ông Bang Kỳ Lam phụ trách bán đủ loại sỉ và lẻ vải, gạo, đường, quế, trên các món hàng bày bán đều có định giá rõ ràng nhân viên lịch sự tiếp khách..., Phú Lâm (Tiên Phước) do Lê Cơ (1870-1918) tổ chức chương trình khuyến khích công thương nghiệp, là bước tiến đầu tiên tại Quảng Nam từ từ ảnh hưởng đến thay đổi sinh hoạt Hà Nội và Sài Gòn.

Các nhà nho tiến bộ tại Hà Nội đứng ra khuếch trương thương nghiệp là ông Đỗ Chân Thiết mở hiệu Đồng Lợi Tế ở phố Mã Mây, mở tiệm thuốc Bắc Tụy Phương ở phố Hàng Cỏ, Hoàng Tăng Bí mở hiệu Đông Thành Xương ở Hàng Gai..Tại sài gòn có Minh Tân Khách sạn của cụ Phủ Chiêu (3).

Phong Trào Duy Tân là cuộc cách mạng lớn trên mọi lãnh vực đầu Thế kỷ 20. Các trường dạy thêm chương trình chữ Quốc ngữ lan rộng trên khắp nẻo đường đất nước. Vua Thành Thái thường cải trang vi hành, nghe và ảnh hưởng Phong Trào Duy Tân, cắt bỏ cục tóc trên đầu, các quan ngạc nhiên lúc ngài ngự triều, nhà Vua tự làm gương đề xướng theo Duy Tân cải cách sinh hoạt để thúc đẩy dân tiến (4).

Thực dân Pháp kết án ai theo Duy Tân cắt tóc gọi là giặc cúp tóc. Ngày 30-7-1907 toàn quyền Beau

kết tội vua Thành Thái bị bệnh tâm thần và phế đế, lập Duy Tân (Vĩnh San) lên ngôi (1900-1945).

Phong Trào Duy Tân phát triển tốt đẹp tại quê nhà, Phan Chu Trinh ra Nghệ An gặp Ngô Đức Kế đến Hà Nội tiếp xúc với số sĩ phu vận động mở rộng Phong Trào Duy Tân, Phan Chu Trinh có tài diễn thuyết, chinh phục được phái cựu học tham gia Phong Trào, khuyến khích mở trường dạy ngành nghề từ công nghiệp cho đến thương nghiệp, mở nông hội và thương hội nâng cao đời sống về kinh tế, truyền bá chữ Quốc ngữ đề xướng chủ thuyết Dân Quyền, được hoan hô đón nhận. Các nhà nho như cụ Phương Nam, Đỗ Chân Thiết, Lương Trúc Đàm (1879-1908) là những người tiên phong cắt tóc ngắn và ăn mặc Âu phục với hàng nội hóa (5).

Ông Ích Đường (1884-1908) cháu nội Ông Ích Khiêm hướng dẫn Phan Chu Trinh lên Yên Thế thăm lãnh tụ Hoàng Hoa Thám (1858-1913). Về Hà Nội gặp các ông Lương Văn Can Nguyễn Quyền là người có công mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Xuất ngoại lần thứ nhất

Cuối tháng 3 năm 1906 trốn đi sang Hồng Kông. Nhờ vào đường giây của Phong Trào Đông Du (1906-1908) Tăng Bạt Hổ người có công đầu dẫn đường cho các nhà cách mạng Việt Nam. Phan Bội Châu và các đồng chí khởi xướng Phong Trào Đông Du đưa du học sinh sang Nhật. Trên tàu các Cụ gặp ông Lý Tuệ làm việc đầu bếp, giúp đỡ từ đó Phan Chu Trinh, được Lý Tuệ dẫn đường xuống tàu cải trang làm bếp đi Hồng Kông gặp Phan Bội Châu (1867-1940), Cường Để (1882-1951 là cháu 5 đời vua Gia Long). Cùng nhau sang Quảng Châu thăm Lưu Vĩnh Phúc, Nguyễn Thiện Thuật (?-1841), Lương Ngọc Quyến (1890-1917).

Tháng 5.1906 cả 3 người đến Hoàn Tân (Yokohama) và Đông kinh (Tokyo), trong thời gian lưu lại Nhật, cụ nhìn thấy nước Nhật hùng mạnh nhờ biết thay đổi chính sách cai trị duy tân của Minh-trị-Thiên-Hoàng (Mutsu Hito 1852-1912). Nhật trở nên hùng mạnh thắng Trung Hoa năm 1895 đưa đến việc hai bên ký kết hoà ước Shimonoseki (Hạ Quan) ngày 17.04.1895. Nhật đánh bại quân Nga tại Tsushima (Đồi Mã) năm (1904-1905).

Phan Chu Trinh gặp giới chính khách Nhật, như Khuyển Dường nghị (Inukai ki 1855-1932) Đại Ôi Trọng Tín (Okuma Shigonebu 1838-1922) người Nhật xướng lên chủ nghĩa Đại Đông Á. Phan Chu Trinh thấy chính sách của Nhật không thật tình giúp đỡ Việt Nam...Dân tộc Việt Nam phải tự duy tân, nếu không được khai hóa thì không thể canh tân xứ sở...

Tư tưởng hai nhà cách mạng họ PHAN rất tiếc không tương đồng, Phan Bội Châu với khuynh hướng bạo động, duy trì chế độ Quân chủ trông cậy vào Nhật để chống Thực dân. Ngược lại Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động tân dân, không chấp nhận chế độ quân chủ, muốn khai thông dân trí thì phải cải-cách, muốn có nhân-quyền thì phải chấm dứt chế độ vua quan bù nhìn Nam Triều.

Chủ trương dựa vào nước Pháp để khai hoá dân tộc tiên bộ, làm cuộc cách mạng văn hoá, khi đất nước mạnh có thể đấu tranh giành lại độc lập, tiết kiệm xương máu. Nếu dựa vào nước Nhật để chống Pháp có tránh được việc “đuổi con hổ ra cửa trước, rước con gấu vào ngõ sau”? (6)

Tám gương Đại Hàn bị Nhật đô hộ, Hiệp ước Pháp và Nhật ký ngày 10.7.1907 Pháp nhượng cho Nhật số quyền lợi. Pháp yêu cầu chính phủ Nhật bắt các nhà Cách mạng Việt Nam chống Tây, giải tán và trục xuất du học sinh. Tháng 8 năm 1908 Nhật trục xuất hàng trăm thanh niên Việt Nam bỗng nhiên sa vào cảnh bơ vơ không nơi nương tựa, nhiều người phải chạy sang Trung Hoa.

Năm 1909 Phan Sào Nam và Cường Để cùng chung số phận phải trốn sang Trung hoa. Đến tháng 10.1910 chính phủ Mãn Thanh khủng bố các nhà Cách mạng Trung Hoa. Cường Để và Phan Sào Nam phải sang Thái Lan. Dự định thế chiến 9-3-1945 Người Nhật lộ hẳn sự phản bội dân tộc Việt

Nam, trước khi trở về Việt Nam tâm sự với Phan Bội Châu.

“Xem dân trí Nhật rồi đem dân trí ta ra so sánh, thật không khác gì muốn đem con gà con đò với con chim cất già. Giờ bác ở đây, nên lo chuyên tâm ra sức vào việc văn, thức tỉnh đồng bào cho khỏi tai diếc mắt dui còn việc mở mang diều dất ở trong nước nhà thì tôi xin lãnh. lười tôi đang còn, người pháp chẳng làm gì tôi được mà lo.” (7)

Trở về nước hoạt động

Đường lối đấu tranh hai nhà cách mạng tuy khác nhau, nhưng cùng tình yêu đối với Tổ quốc đồng bào. Phan Chu Trinh về nước công khai đấu tranh bất bạo động, chính sách cai trị của chính phủ bảo hộ chỉ bản cùng hoá ngu dân, không thực lòng khai hóa dân tộc Việt Nam, đào tạo số người tay sai làm giàu trên xương máu của dân tộc.

Cụ viết thư ngày 15.08.1906 gọi là “Phan Chu Trinh đầu thư cho Pháp”. Gởi cho toàn quyền Paul Beau và khâm sứ Trung kỳ Fernand Lévecque. Thư trình bày hoàn cảnh bi đát nhất của nhân dân dưới chính sách cai trị, những tệ trạng của quan lại Nam triều:

1. Chính phủ bảo hộ dung dưỡng cho bọn quan lại An nam để gây nên tệ lậu.
2. Chính phủ bảo hộ khi thị dân Việt Nam thái quá, khiến cho đôi bên phải xa cách.
3. Quan lại nhân cái sự ly gián ấy mà hành hạ dân. (8)

Phan Chu Trinh ghé thăm Lương Văn Can nói về tình hình nước Nhật, tháng 3.1907 tại phố Hàng Đào Hà Nội các sĩ phu Bắc Kỳ ngồi lại với nhau. Cụ Phan đề nghị mở trường dạy học, ý kiến này được chấp thuận lấy tên trường là Đông Kinh Nghĩa Thục “tương tự như Khánh Ưng Nghĩa-Thục” của Phúc-Trạch bên Nhật, xin giấy phép mở trường, chủ trương không lấy tiền học phí, mọi người tự nguyện bỏ công, bỏ tiền, tài sản ra thành lập. Ngày khai giảng thu nhận học sinh đông đảo. Bỏ lối học từ chương, chú trọng thường thức và thực nghiệm dạy theo phương pháp giáo dục mới, chương trình dạy chữ Quốc ngữ, chữ Hán và Pháp Văn. Phạm Đình Đồi dạy môn toán học, thành phần giảng dạy của Đông Kinh Nghĩa Thục là các nhà nho và tân học: Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Hoàng Tăng Bí, Phan Huy Thịnh, Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Đặng Kinh Luân, Nguyễn Hữu Cầu, vv... (9)

Lương Văn Can làm thực trưởng, Nguyễn Quyền làm giám học... Phan Chu Trinh không giữ vai trò nào vì cụ Phan về miền Trung vận động tiếp cho Phong Trào Duy Tân.

Đông Kinh Nghĩa Thục truyền bá văn hóa nước nhà, gây thêm tình thân ái-quốc, trường có một số nhà nho như Lương Trức Đàm, Dương Bá Trạc. Đỗ Chân Thiết...hoạt động ngầm cho phái bạo động (Phan Sào Nam) nhiều cụ quá hăng hái giảng dạy kêu gọi lòng yêu nước, đưa đến chủ trương chống chính sách thuộc địa.

Thực dân Pháp nghi ngờ cho mật thám theo dõi, tịch thu giấy phép giải tán trường học vào tháng 11.1907. Khép tội Đông Kinh Nghĩa Thục là lò phiến loạn ở Bắc Kỳ, đóng cửa luôn tờ (Đăng Cổ Tùng Báo) cấm lưu hành tàn trữ sách vở. Giáo viên và những người trong tổ chức bị nghi ngờ, bị kết án tù, đày ra Côn đảo.

Đoàn kết Tôn Giáo

Các tỉnh miền Trung xảy ra chia rẽ với người theo Đạo Thiên Chúa dưới thời Phong trào Cần vương. Giáo dân vùng Trà Kiệu quận Duy Xuyên bị cô lập, phân biệt xảy ra tranh chấp đồ máu... Phan Chu Trinh đi khắp nơi trong tỉnh nhà, kêu gọi toàn dân đoàn kết, chia rẽ gây thêm cảnh khổ đau dân tộc có lợi cho thực dân. Cụ Phan không đặt vấn đề Lương-Giáo mọi người đều có trách nhiệm với quốc gia

Việt Nam.

Nhìn lại các nhà truyền giáo Tây Phương đã giúp ích cho văn học Việt Nam. Đạo Thiên Chúa đào tạo những con Chiên ưu tú như Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) Trương Vĩnh Ký (1837-1898) ... Phan Chu Trinh tiếp xúc với các vị các linh mục người Pháp, kêu gọi họ giúp đỡ để khai hóa con Chiên Việt Nam, Cụ hỏi:

“Có lẽ dân An Nam không phải là con chung của Chúa Trời, nên dầu có theo giáo, chỉ có sớm chiều đọc mấy câu kinh, đến ngày lễ tới nhà thờ quỳ nghe giảng mà thôi sao?” (10)

Lần đầu tiên trong đấu tranh sử nước nhà, giữa Lương-Giáo được hòa giải san bằng hố sâu ngăn cách, đoàn kết hoạt động với Phong Trào Duy Tân, làng Phước Kiều (Duy Xuyên) có cơ sở giáo dục Quảng Phước do một vị nhà dòng dạy học và tổ chức cơ sở chế biến kỹ nghệ đồ đồng rất tinh xảo như nghề gia truyền cho đến ngày nay.

Phong Trào Duy Tân giúp Dân trí được mở-mang mạnh mẽ, nhiều người hưởng ứng nổi bật nhất, ông Lê Cơ thi đậu tú tài nhưng chỉ làm lý trưởng, con cô cậu với Phan chu Trinh. Nhân dân được học hỏi tiến bộ, hưởng ứng phong trào như cắt tóc ngắn, là một thành công lớn của Phong Trào Duy Tân, muốn bỏ được phong tục lâu đời rất khó, hót tóc có bài về cúp tóc, được truyền tụng trong dân gian, khuyến khích đàn ông hót tóc ngắn.

Phong Trào Duy Tân với chủ trương lâu dài, khai trí dân tộc tiến bộ mau chóng, Dân tộc hiểu được các quyền tự do : Dân quyền và Nhân quyền, thì chính sách bảo hộ của người Pháp phải thay đổi.

Cuộc vận động đòi quyền sống dù bất bạo động của Phong Trào Duy Tân, công khai dần dần lan rộng, bởi vì thực dân Pháp và tay sai đàn áp bóc lột đánh thuế nặng, tất cả tai họa của xã hội trong giai đoạn này phản ánh qua những câu ca dao. (11)

Đời ông cho đến đời cha
Đời nào cực khổ như ta đời này
Ngoài đồng cấy cày ruộng giăng giây
Vườn hà đóng thuế vợ gầy con khô...
Từ ngày Tây chiếm Đế Đô
Xấu cao thuế nặng biết chừng mô hỡi trời!

Diễn tiến cuộc biểu tình

Năm 1908 các địa phương từ tỉnh Quảng Nam đến Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Hà Tĩnh, Nghệ An nổi lên phong trào kháng thuế xin xâu. Lúc đầu cuộc vận động biểu tình bất bạo động, có tầm mức quan trọng từ trước chưa xảy ra ở Việt Nam.

Tại quận Đại lộc (11.03.1908) sau đó Điện Bàn rồi các nơi đều hưởng ứng tham gia biểu tình kháng thuế, chống bọn tay sai, đòi hỏi dân quyền. Bị thực dân Pháp không giải quyết nguyện vọng của toàn dân ra lệnh đàn áp. Phong Trào như làng sóng lên cao, phần nộ trong người dân từ lâu bị đè nén và bộc phát.

Thực dân Pháp lúc đầu để Phong Trào Duy Tân hoạt động vì quan niệm sĩ phu kêu gọi duy tân, theo Âu hóa càng sớm càng mất dần dân tộc tính càng dễ cai trị.

Không ngờ Phong Trào Duy Tân gây ảnh hưởng sâu rộng, đưa đến đấu tranh chống thuế xin xâu, đụng vào cái thực chất quyền lợi của thực dân. Nếu không đánh thuế vào dân, lấy tiền đâu nuôi đoàn quân viễn chinh, bộ máy cai trị tại Việt nam, đem tiền bạc về cho nước Pháp.

Thực dân và tay sai quyết đập tan phong trào kháng thuế xin sâu, dùng bạo lực súng đạn, đàn áp bắn giết đồng bào tham gia trên tay không vũ khí. Kết án ngọn lửa đấu tranh ấy phát xuất từ Phong Trào Duy Tân, đồng thời ngoài Bắc ngày 27.6.1908 xảy ra vụ Hà Thành đầu độc.

Thực dân Pháp ra lệnh bắt bỏ tù hàng loạt từ Trung đến Bắc các sĩ phu yêu nước như: Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Châu Thượng Văn (1856-1908), Nguyễn Thượng Hiền, Lê Cơ, Phan Khôi Tiêu La Nguyễn Thành (1863-1911) vv... đến nhà tù Côn đảo cũng như Lao Bảo.

Kết án xử chém những người dẫn đầu đấu tranh tại Quảng Nam gồm có: Trần Thuyết (1857-1908 ngày 8-4 tại Tam Kỳ), Ông Ích Đường (bị chém ngày 24.4 tại Túy Loan), các ông Nguyễn Cang, Nguyễn Dực, Phan Tham, Trần Phước, đều bị chém tháng 5 tại Duy Xuyên.

Phong trào đấu tranh máu đổ ra tô thắm thêm trang đấu tranh sử Việt Nam oai hùng. Phong Trào xin thuế bị dẹp tan vì thiếu tổ chức không có người chỉ huy tổng quát. Phong Trào Duy Tân dù thất bại nhưng nó còn trường tồn mãi trong lịch sử nước nhà.

Phong Trào có các ưu điểm: tin vào việc tự khai hóa dân tộc, phát triển các ngành nghề phù hợp với sinh hoạt địa phương, công-thương-nghiệp phải phát triển toàn diện, không có tinh thần vọng ngoại, truyền bá chữ Quốc ngữ... Áp dụng chủ thuyết Dân quyền hành động có lý tưởng, xây dựng đất nước quan tâm đến dân tộc phải tự cường và đoàn kết.

Trong giai đoạn này Trần Quý Cáp (làm giáo học tại Khánh Hoà, vì nhà nghèo làm việc theo ý thân mẫu) bị Bộ chánh Phạm Ngọc Quát, bắt (16.04) đồ tội cho cụ Trần xách động và đồng lõa với phong trào kháng thuế xin sâu.

Bản án dành cho Trần Quý Cáp thật ác nghiệt đó là chủ trương của chế độ thực dân, bởi vì Trần Quý Cáp viết gởi cho Phan Thúc Duyện có câu (Ngô dân thử cử khoái khoái khoái = dân ta làm thế sướng ...) vui mừng quê nhà có biểu tình đấu tranh chống thuế xin sâu.

Bị kết án “tuy chưa có hành động nhưng đã nuôi cái lòng phản nghịch” được gọi là bản án “mạc tu hủ” nghĩa là chẳng cần có tội, muốn giết thì giết, dẹp hết các người yêu nước để bọn thực dân rảnh tay cai trị.

Chính quyền muốn từ hình Phan Chu Trinh không thực hiện được, lần này phải giết gấp Trần Quý Cáp và tuyên án xử chém ngang lưng tại Khánh Hoà, đến 1924 Trần Quý Cáp được khai phục phẩm hàm, nhưng ông đã an giấc nghìn thu!

Phan Chu Trinh công khai hoạt động làm cho người Pháp rất lo ngại. Louis Bonhoure toàn quyền Đông Dương nhận xét:

“Phan Chu Trinh không tỏ ra bạo động như Phan Bội Châu nhưng nguy hiểm hơn cho sự thống trị của người Pháp tại Việt Nam.”

Đấu tranh chống thuế bùng nổ tại Quảng Nam, Công sứ Lévecque yêu cầu thống sứ Bắc kỳ Joseph de Mirabel bắt Phan Chu Trinh vào (10.04.1908) tại Hà nội giải về Huế giam ở toà Khâm sứ, (khu vực trường Đại học Sư Phạm trước 1975) người Pháp bề ngoài vẫn minh nhưng chẳng hơn gì triều đình Huế về những điều hủ bại.

Phan Chu Trinh phản đối chính phủ Pháp kiệt thực 7 ngày, Khâm sứ Lévecque là con cáo già thực dân ném đá đầu tay, muốn giết Phan Chu Trinh, trả cụ cho Cơ Mật Viện để toà An Nam xét xử, nếu xét theo luật Gia Long điều 223 tội nhân bị ghép làm loạn xách động... bị xử trảm.

Các quan lại Nam triều vốn thù ghét Phan Chu Trinh đã phê phán chế độ quân chủ làm tay sai, Nam triều lấy cơ hội này lên án tử hình, nhưng ở Hà Nội cụ Phan chơi thân Babut Ernest Chủ nhiệm tờ Đại Việt Tân Báo và có chân trong Hội Nhân Quyền Ligue des Droits de L'Homme.

Được Babut Ernest tận tâm can thiệp lên thẳng phủ Toàn quyền xin tái thẩm vụ án. yêu cầu chính phủ Pháp can thiệp giảm án. Tóa án An Nam không thể thi hành án tử hình đổi lại án chung thân khổ sai đày ra Côn đảo Cụ Phan phản nộ trước bản án và nói:

“Một dân tộc nào có người tù về quốc sự như thế thì dân tộc ấy càng thêm vẻ vang .Một dân tộc không có người ở tù về quốc sự thì cái dân tộc ấy là khối dân tộc vô hồn thôi.” (12)

Ngày 04.4.1908 cụ Phan bị đày ra Côn lôn ứng khẩu bài thơ:

*Ra cửa thành nam mang xiềng rột rạt
Còn lưỡi này ta hát ta ca
Dân hèn nước cũng tiêu ma
Chết còn chả sợ nữa là còn lôn*

Những năm tù côn đảo cụ Phan cảm xúc cho thân phận, man mát lòng cổ quốc làm thơ cho quên nỗi sầu xa xứ. Trong lúc dân tộc sống khổ đau dưới gót giày đinh của thực dân Pháp dẫm nát Quê Hương.

Đi đập đá

*Làm trai đứng giữa đất Côn lôn
Lưng lầy lăm cho lở núi non
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng chi sờn dạn sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan nào sá sự con con*

Phan Chu Trinh bị đày ra Côn đảo được báo chí Hội Nhân Quyền thân oan và vận động được tự do, chính phủ bảo hộ nhận thấy dư luận trong cũng như ngoài nước, Muốn ngăn ngừa bớt phần nộ của sĩ phu Việt Nam. Chính phủ cử Thống đốc Nam Việt ra Côn đảo thăm vấn cụ Phan cho về lại Mỹ Tho. Thủ tướng Pháp ông Poincaré ký lệnh tha, quan Toàn quyền Đông Pháp ông Klobukowsky (1908-1911) Tổng trưởng bộ thuộc địa Trouillot cùng các quan khác tại Sài Gòn xét án và ân xá.

Tuyên báo trả tự do nhưng cụ bị quản thúc tại Mỹ Tho, Cụ nhất định không chịu phản đối đến cùng. Chính phủ Pháp nhượng bộ cho tự do hoàn toàn. Ở Mỹ Tho thời gian thấy tinh thần đồng bào ở Nam Việt lụn bại hơn đồng bào ngoài miền Trung và Bắc. Cụ phải ngậm ngùi cho trình trạng dân tộc bị đô hộ, các bạn thân chiến hữu của cụ Phan phần lớn bị, bắt đày ra Côn đảo. Thực dân Pháp theo dõi đàn áp khắp nơi, rất khó có thể hoạt động. Cụ Phan thoát được cảnh tù đày nhờ nhà báo Babut và Hội Nhân quyền can thiệp.

Phan Chu Trinh cùng với người con trai làm đơn xin nhập cảnh Pháp. Toàn quyền Klobukowsky cho phép, nghĩ cụ là ông quan già không biết Pháp ngữ, có đến Paris cũng chẳng làm được gì bất lợi cho chính sách thuộc địa của Pháp.. Nhưng Phan Chu Trinh tin tưởng đến Pháp có thể vận động rộng rãi với chính khách Pháp văn minh tiến bộ, đòi hỏi chính phủ Pháp thay đổi chính sách thuộc địa tại Việt Nam và Đông Dương, kêu gọi Pháp trả tự do cho các tù nhân chính trị Việt Nam.

Xuất ngoại lần thứ 2

Năm 1911 Phan Chu Trinh theo Toàn quyền Klobukowsky sang Pháp, cụ biết trước các sĩ phu Việt Nam yêu nước xúc động mạnh, nghe tin cuộc cách mạng Tân Hợi 19.08.1911 Trung Hoa lật đổ được chính thể chuyên chế, bước sang chế độ Dân chủ, tại Việt Nam các sĩ phu yêu nước sẽ tiếp tục nổi dậy chống Pháp giành độc lập, không tránh được cảnh chiến tranh, gây thêm khổ đau, vốn cụ chủ trương Pháp-Việt đề huề xem như nền tảng tư tưởng dân chủ xây dựng Việt Nam.

Sử sách thế giới ca tụng Mohandas Karamchand Gandhi (1867-1948) đấu tranh bất bạo động với người Anh giành độc lập cho Ấn Độ nhưng nước Việt Nam nhỏ bé thời ấy nhà cách mạng Phan Chu Trinh, đấu tranh giành độc lập với thực dân Pháp bất bạo động trước Gandhi!

Cụ Phan nói:

“Không nên trông người ngoài trông người ngoài là ngu, không nên bạo động, bạo động là chết Tôi chỉ có một lời để nói với đồng bào, không gì bằng học...vv Chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã biết có quyền thì việc khác có thể làm.” (13)

Tàu đến cảng Marseille, cụ Phan và con trai được đón lên tàu lửa về Paris, ở trọ trên đường Gay Lussac, sau về số 32 Vouillé quận 15. Cụ tiếp xúc với Messimy, Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa và Albert Sarraut sắp sang làm Toàn quyền tại Đông Dương.

Ông Jules Roux đại úy từng làm việc tại Tòa án binh ở Bắc Bộ từ năm 1904-1909 rất ngưỡng mộ Phan Chu Trinh, đến tiếp xúc giúp đỡ và dịch các thư sang Pháp văn, gửi cho Bộ Thuộc Địa Pháp và ông Phan Văn Trường (1875-1933), nhỏ hơn cụ Phan 3 tuổi lúc ở Hà Nội làm việc cho tòa Khâm sứ Bắc Kỳ. Cuối năm 1908 được tuyển sang Paris làm phụ giảng tiếng Việt ở trường Ngôn Ngữ Phương Đông và tiếp tục học đồ cử nhân luật, có quốc tịch Pháp. Từ năm 1910 ông thuê nhà số 6 Villa des Gobelins. Nơi đây như trụ sở của người Việt yêu nước, cụ Phan cùng đến ở chung thời gian dài, Việt kiều, sinh viên sống tại Paris lúc bấy giờ khoảng hơn 100 người. (14)

Hai họ Phan trở thành cột trụ của phong trào Việt Kiều tại Pháp, Phan Chu Trinh viết các bản điều trần gửi cho chính phủ Pháp, nêu lý do Việt Nam được Pháp bảo hộ, nhưng không có tự do, công dân Việt Nam yêu nước chỉ trích chính sách cai trị, đều bị kết án tử hình và bỏ tù, vv... cụ viết “Trung Kỳ Dân Biên Thi Mạt Ký”, Jules Roux dịch sang Pháp văn. Tài liệu này binh vực, kêu oan cho Trần Quý Cáp và nổi oan ức của người Việt bị áp bức gây dư luận tại Paris (gửi kèm đến Albert Sarraut chuẩn bị sang làm toàn quyền tại Đông Dương) gửi thư phản đối chính sách đô hộ tại Việt Nam.

Khâm sứ Mahé muốn đào lăng vua Tự Đức (1913) tìm vàng, cụ viết báo phản đối việc làm thiếu đạo đức, đi diễn thuyết trong tập thể Kiều bào, kêu gọi lòng yêu nước hướng về Quê hương và thường tiếp xúc với người Pháp có lòng nhân-đạo, bác-ái bày tỏ nỗi lòng và chỉ trích chính sách cai trị tàn ác của Pháp ở Đông Dương của Sarraut:

“Cách cai trị rộng rãi bên An Nam của ông ấy thế nào? Nói những sự cải cách giả dối, như viện tư vấ, pháp luật, học hành, sự đầu độc dân ta bằng rượu, bằng thuốc phiện, và sự đoạt quyền tự do của nhân dân ta...”

Vào tháng 9.1914 chiến tranh Đức Pháp bùng nổ. Đức tổng tấn công mặt trận La Somme, bên quê nhà vua Duy Tân (Vĩnh San) nổi dậy chống Pháp ngày 6.5.1916 thất bại bị truất phế đày sang đảo Réunion...

Pháp tình nghi Việt Kiều có tinh thần chống Pháp liên hệ với Đức, Phan Văn Trường bị giam ở lao Cherchemidi và Phan Chu Trinh bị giam ngục Santé (Prison de la Santé) Bên quê nhà cụ bà Phan

Chu Trinh bị bệnh qua đời ngày 12.5.1914. Cuộc đời của bà Phan Chu Trinh đã hy sinh lo gia đình để chồng hoạt động cách mạng. Chúng ta cần phải vinh danh người đàn bà lý tưởng này!

Hai người con gái : Phan Thị Châu Liên (tức cô Đậu 1901- ?) chồng là ông đốc học Lê Ấm (1897-1976) ông bà Lê Ấm ở nhà thờ cụ Phan gần ngã năm Hoàng Diệu Đà Nẵng Ông bà Lê Ấm có con trai Lê Khâm (1930-1995) tập kết ra Bắc theo học Đại học tổng hợp Hà nội là một nhà văn đã quá cố và người con gái là Lê Thị Minh.

Phan Thị Châu Lan (tức cô Mè 1904 -1944) chồng là ông Nguyễn Đồng Hới làm tham tá công chánh (Agent technique) là thân sinh của bà Nguyễn Thị Bình (hiện nay phó Chủ tịch nhà nước CSVN). Các cháu không theo thuyết Dân Quyền của ông ngoại, ngược lại theo cộng sản Marxismus).

Các ông Marius Moutet, Jules Roux bênh vực, cãi với viên đại lý Tòa án binh Đệ nhất tại Paris đến tháng 7.1915 chính phủ Poincaré trả tự do cho cụ Phan Chu Trinh. Các quan Bộ Thuộc Địa coi về Đông Pháp, cắt tiền phụ cấp 450 quan gây đời sống cụ Phan càng khó khăn hơn. Cụ học nghề rửa hình mỗi ngày được 30 quan nuôi con trai là Phan Chu Dật học trung học, dù hoàn cảnh khó khăn không muốn lệ thuộc đồng tiền mua chuộc, cụ sống với lý tưởng cao đẹp “phú quý không tham lam, nghèo khổ không thay đổi lòng dạ, sức mạnh không khuất phục”. (15)

Năm 1917 Phan Chu Trinh bị bệnh nặng điều trị lâu, Phan Chu Dật (1897-1921) không muốn nhận giúp đỡ của gia đình ông Roux, tìm việc đưa hàng ở hăng Au Bon Marché để nuôi cha. Vì vất vả và thiếu thốn bị nhiễm bệnh, anh phải bỏ học về nước ngày 27.09.1919 và qua đời tại Huế ngày 14.02.1921 thi hài được đem về mai táng cạnh mộ Mẹ tại Tây Lộc.

Vào khoảng cuối năm 1916 sang đầu năm 1917 Nguyễn Ái Quốc đến Paris được Phan Chu Trinh giúp đỡ. Nguyễn Ái Quốc viết:

“Cụ Phan đã giúp mình rất nhiều, thực sự là người đỡ đầu cho mình trong một thời gian khi mình ở Paris.” (16)

Từ năm 1920 tư tưởng hoạt động Nguyễn Ái Quốc khác Phan Chu Trinh và sau đó theo chủ nghĩa cộng sản quốc tế, tham dự đại hội Tours và sang Liên Xô năm 1923? nếu Nguyễn Ái Quốc tiếp tục theo đường lối hoạt động của Phan Chu Trinh thì lịch sử Việt Nam đã thay đổi.

Pháp tổ chức cuộc triển lãm quốc tế tại Marseille năm 1922 vua Khải Định (1916-1925) sang tham dự, lối phục sức cho đến việc tiếp xúc ngoại giao những điều chương tãi gai mắt. Cụ viết bằng chữ Hán gởi đến vua Khải Định “Ký Khải Định Hoàng Đế Thư” ngày 15.7.1922 kể bảy tội là “tôn bậy quân quyền, lạm hành thưởng phạt, thích chuộng sự qùy lạy, xa xỉ quá độ, ăn bận không phải lối, tội chơi bời, chuyên đi có ám muội”.

Được dịch ra Việt ngữ và Pháp văn đăng trên báo chí gây dư luận xôn xao tại Pháp, vua Khải Định nhận thư về nước thời gian ngắn băng hà.

Phan Chu Trinh ở Paris 14 năm gây ảnh hưởng lòng yêu nước sâu rộng trong giới Việt Kiều và sinh viên, người Pháp kính nể xem cụ Phan là chính trị gia, đại diện cho người Việt tại thủ đô Paris và các nhà cách mạng Việt Nam.

Ông vừa thể hiện tính kiên quyết, thẳng thắn, vừa biết thận trọng cân nhắc lời lẽ, thông minh nhạy bén trong hiểu và đoán ý người khác, có quan điểm đạo nghĩa sâu sắc, coi thường mặt vật chất kinh tế.

Phan Chu Trinh về nước bị bệnh mất

Ngày 29.05.1925 Phan Chu Trinh xuống tàu Fontainebleau sau một tháng, Phan Chu Trinh và Nguyễn An Ninh về tới Sài Gòn ngày 26.6.1925. Nguyễn An Ninh đưa Phan Chu Trinh về thẳng khách sạn Chiêu Nam Lầu (*). Cho đến ngày 29.6.1925, Phan Chu Trinh được Nguyễn An Ninh đưa về nhà cha của ông, là cụ Nguyễn An Khương, ở Mỹ Hoà để tiện việc tiếp đón bạn bè đến thăm hỏi và trao đổi công việc; đồng thời cũng để tiện cho cụ Nguyễn An Cư (Chú ruột của Nguyễn An Ninh, một lương y nổi tiếng ở Nam Kỳ) chăm sóc sức khoẻ cho Phan Chu Trinh (đang thời kỳ suy yếu nhất).

Thời gian ở Chiêu Nam Lầu và tại nhà cụ Nguyễn An Khương, Phan Chu Trinh tiếp xúc với các nhân vật như: Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Kim Đính, Khánh Ký, Lâm Hiệp Châu, De Jean de la Bâtre, Paul Monin, Malraux... Trong các cuộc tiếp xúc này, Phan Chu Trinh bày tỏ tâm tình như sau:

“Một khi đã trở lại sống trên quê hương xứ sở, tôi nguyện đem hết nghị lực bình sinh mà thức tỉnh dân khí ba miền đồng tâm, hiệp lực đập đổ cường quyền áp chế.”

Chính vì tâm quyết phụng sự cho dân quyền, nên dù sức khỏe còn yếu, Phan Chu Trinh cùng Nguyễn An Ninh (với vợ chồng người con gái của ông bà Lê Ấm) đi xuống các tỉnh Trà Vinh, Mỹ Tho... để vận động tài chánh cho việc tái bản tờ “La Cloche Fêlée”. Nhờ vậy, ngày 26.11.1925, báo “La Cloche Fêlée” số 20 được tái bản.

Thời gian bị bệnh nhưng Phan Chu Trinh cố gắng diễn thuyết thêm hai đề tài:

- Đạo đức và luân lý đông tây
- Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa

Bài diễn văn cuối cùng Phan Chu Trinh nói chuyện tại Hội Thanh Niên Sài Gòn

“Tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân tộc Việt Nam ta... Nói theo đạo Nho đó kỳ thật không có thi hành một chút đạo Nho nào, chỉ còn sót lại một hai điều trong gia đình mà thôi. kỳ dư là những điều mấy ông Vua chuyên chế đưa vào đạo Nho để đè nén dân.”

Nói về Đạo Đức và Luân Lý Đông Tây

“Xem như thế thì xưa nay nước ta không có quốc gia luân lý, chỉ có một cái luật vua tôi bắt buộc dân phải theo vua với dân không có luân lý gì dính nhau, chẳng qua vua và tôi tớ của vua hiệp lại với nhau lấy sức mạnh để đè lên dân mà thôi... Nay muốn một ngày kia nước Việt nam được tự do độc lập thì trước hết dân Việt nam phải đoàn kết.”

Các bài diễn thuyết của Phan Chu Trinh gây ảnh hưởng sâu xa đến thế hệ trẻ văn minh tại Sài Gòn, tiêu biểu trong đó có nhà cách mạng Tạ Thu Thâu (1906-1945).

Trong thời gian trở về Sài Gòn Phan Chu Trinh bị bệnh được cả gia đình nhà cách mạng Nguyễn An Ninh (1900-1943) lo giúp đỡ thuốc men, tiếp đón thân nhân và khách đến thăm và cho đến những ngày cuối cùng.

Tình thần gia đình Nguyễn An Ninh thật đáng quý lưu danh cho hậu thế, nhưng thương tiếc thay. Phan Chu Trinh đang thoi thóp trên giường bệnh lại hay tin Nguyễn An Ninh đã bị bọn mật thám Pháp bắt tại nhà vào lúc 11 giờ 30 trưa ngày 24.3.1926.

Phan Chu Trinh trút hơi thở cuối cùng vào lúc 21 giờ 30 tối hôm đó (24.3.1926) tại khách sạn Chiêu Nam Lầu và được đem an táng tại nhà số 54 đường Pellerin nhà của ông Huỳnh Đình Diễm (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai - tức đường Pasteur trước 30.4.1975).

Ủy Ban tổ chức lễ quốc táng nhà yêu nước Phan Chu Trinh đã được hình thành ngay trong đêm 24-3-1926. Những thành viên của ủy ban tổ chức lễ quốc táng nhà yêu nước Phan Chu Trinh gồm nhiều nhân sĩ, trí thức.

Linh cữu được quản tại số 54 đường Pellerin, tang lễ được đại diện thân hào nhân sĩ Sài Gòn tổ chức cử hành theo nghi thức quốc tang. Hai người con gái đã có mặt bên linh cữu của cha. Toàn dân Sài Gòn không phân biệt chính trị, đảng phái, tôn giáo tham dự, đưa linh cữu cụ Phan Chu Trinh đến nơi an nghỉ cuối cùng vào lúc 6 giờ sáng ngày 4.4.1926 tại nghĩa trang của hội Gò Công tương tế.

Hàng ngàn câu đối, trướng, la liệt bàn phúng điếu các Sư chùa Nam Sơn tỉnh Sóc trăng gởi mấy câu đối:

*Tiên sinh thật là vị cao tăng trong giác thế, gồm đủ từ bi và trí huệ
Người đời sau ngưỡng trông tòa pháp Cộng Hòa, biết bao nhiêu công đức như cát sông Hồng Hà
Hai mươi năm trồng sớm chuông chiều, khua tỉnh ái hà con ma chuyên chế
nhìn muôn dặm mưa dòn gió đập, kêu gọi người ngủ mê trong biển trần*

Phan Bội Châu đang được an trí ở Huế thay mặt cho đồng bào Huế gởi 2 câu đối:

*Thương hải vi điền, Tinh vệ hàm thạch
Chung Kỳ ký một, Bá Nha đoạn huyền (17)*

Người bạn tù với Phan Chu Trinh ở Côn Đảo (1908-1910), ông Huỳnh Thúc Kháng - thay mặt cho anh em Trung-Việt đã đọc một bài điếu văn mang ý nghĩa lịch sử rõ nét nhất về quan điểm chính trị của nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Đoạn văn xúc tích nhất trong điếu văn của ông Huỳnh Thúc Kháng:

“Ôi! Một đoạn lịch sử của tiên sinh hơn hai mươi năm trời, nào bị tù đầy, ở nước này sang nước khác, trải bao nhiêu phen nguy hiểm, trong giây phút này không thể lược thuật lại cho được; chúng tôi xin tóm tắt lại mà nói sơ: Chủ nghĩa tiên sinh đệ nhất là đánh đổ chuyên chế, làm cho dân quyền tự do, còn cái phương pháp tiến hành thì tiên sinh thường nói rằng”

“Tình hình trong nước ta bây giờ đang vào nguy ngập, nếu muốn cải cách thì cần liên lạc đoàn thể mới được. Tiếc cho người nước mình còn đang mê mộng, đồng chí với tiên sinh chẳng được mấy người. Vì vậy mà tâm lòng bị phân hóa ra uất ức, uất ức hóa nên đại bệnh hướng gì những điều mắt thấy tai nghe dễ làm cho tiên sinh cảm xúc mà đau được, chết được, thương ôi!”

“Thôi, đất vàng một nắm, giấc mộng ngàn thu, sự nghiệp anh hùng, ngày nay hết cuộc. Chúng tôi chỉ mong mai sau những người kế chí tiên sinh, làm cho vẻ vang dân tộc Việt Nam ta. Thì linh hồn tiên sinh sẽ được yên ổn mà ngậm cười nơi suối vàng.”

Phan Chu Trinh tranh đấu bất bạo động với chủ thuyết Dân Quyền, Phong Trào Duy Tân làm thay đổi lịch sử Việt Nam dưới thời thuộc địa, từ đó người Pháp phải thay đổi chính sách cai trị. Phan Chu Trinh một vì sao sáng trên vòm trời Việt Nam của đầu Thế kỷ 20.

Chủ trương chính trị của Phan Chu Trinh có thể được xem là nền tảng của hệ tư tưởng dân chủ Việt nam ngày nay. Trước Phan Chu Trinh, tại Việt nam chưa có ai nghĩ đến dân chủ, dân quyền..Chẳng những Phan Chu Trinh là người đầu tiên thổi một luồng gió mới vào chính trường Việt nam, Ông cũng là người Việt nam đầu tiên gây được uy tín lớn lao với chính trường nước Pháp là nước đang đô hộ Việt Nam. (18).

Phan Chu Trinh sống phục vụ đất nước công hiến cuộc đời cho tổ quốc Việt Nam. Cụ mắt để lại tám

gương sáng cho nhiều thế hệ noi theo. Dân Quyền và Nhân Quyền là giấc mơ của toàn dân Việt nam cuộc đời Phan Chu Trinh gắn bó với công cuộc cách mạng để khai trí dân tộc, để lại những tác phẩm văn chương:

Đầu Pháp chính phủ thư (1906)

Hợp quần doanh sinh thuyết quốc am tự (1907)

Tỉnh quốc hồn ca (1907)

Tuồng Trưng nữ Vương soạn chung với Huỳnh thúc Kháng, Phan thúc Duyên (1910)

Trong thời gian sống ở Paris và về nước viết các tác phẩm

Trung kỳ dân biến thi mật ký (1911)

Giai nhân kỳ ngộ (1913-1915)

Tây Hồ và Santé thi tập ! (1914-1915)

Khải Định Hoàng Đế thư (1922)

Bức thư trả lời cho người học trò tên Đông (1925)

Đông Dương Chính trị luận (1925)

Nguyễn Quý Đại Munich

1. Quảng Nam trong lịch sử tác giả Trần Gia Phụng
2. Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân
3. Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân
4. Thành Thái người điên thế kỷ tác giả Thái Vũ trang 236
5. Đông Kinh Nghĩa Thục tác giả Nguyễn Hiến Lê trang 95
6. Quân sử trang 333 xuất bản Bộ tổng tham mưu QĐ VNCH
7. Phan Bội Châu Ngục trung thư trang 50
8. Phan Chu Trinh Thế Nguyên
9. Đông Kinh Nghĩa Thục tác giả Nguyễn Hiến Lê
10. Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân
11. Quân sử trang 338 xuất bản Bộ tổng tham mưu QLVNCH
12. Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân
13. Lam Giang trang 211
14. Những hoạt động của Phan Chu Trinh Ts Thu Trang
15. Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân trang 172
16. Những hoạt động của Phan Chu Trinh Ts Thu Trang trang 125
17. Phan Chu Trinh Thế Nguyên
18. Quảng Nam trong lịch sử tác giả Trần Gia Phụng

Tài liệu tham khảo

Quảng Nam trong lịch sử tác giả Trần Gia Phụng Nxb Non Nước Toronto 2000

Phan Chu Trinh (1872 - 1926) Tác giả Thế Nguyên tủ sách Tân Việt

Phong Trào Duy Tân tác giả Nguyễn Văn Xuân Nxb Lá Bối

Thành Thái người điên thế kỷ tác giả Thái Vũ Nxb Văn Học

Những hoạt động của Phan Chu Trinh tại Pháp 1911-1925 Tác giả Thu Trang Nxb Văn Học

Từ Hi Thái Hậu cuốn 2 tác giả Mộng Bình Sơn Nxb Xuân Thu

Bộ Quân sử do bộ tổng tham QLVNCH mưu xuất bản

Quảng Nam đất nước và nhân vật 1 & 2 Nguyễn Quyết Thắng

* Khách sạn Chiêu Nam Lầu do chính bà Nguyễn Thị Xuyên (bí danh Chiêu Nam Lầu) là cô quản, nhằm làm nơi liên lạc, đưa đón, học tập và an dưỡng các sĩ phu đương thời, cùng bà Nguyễn An Khương (mẹ của Nguyễn An Ninh) tổ chức và cai học sinh sang Nhật trong phong trào Đông Du. Địa điểm khách sạn tại số 49 Nguyễn Huệ ngày nay.

Thơ Xướng Họa nhân ngày Giỗ Cụ Phan Chu Trinh

Bài Họa: Tưởng Niệm Ngày Giỗ Cụ Phan Châu Trinh

Tây Lộc (1) lấy lòng có họ Phan
Suốt đời vì nước, tiếng còn vang
Duy tân (2) tổ quốc nên cường thịnh
Dân trị (3) nước nhà được mở mang
Côn Đảo không sòn, ngời chính khí
Santé (4) chẳng ngại, tỏ hiên ngang
Bảy điều hạch tội (5) vua nhu nhược
Son sắt lưu danh với đá vàng.

Son sắt lưu danh với đá vàng
Tù đầy gian khổ chẳng hề than
Đông Kinh (6) truyền bá tinh thần mới
Nghĩa Thục (7) lo toan đế quốc tàn
Đạp đất tìm đường xây vận hội
Vá trời cứu nước rạng tiền nhân
Nén hương xin đốt, hàm ơn Cụ
Tưởng niệm hồn thiêng ở nghĩa trang.

Canada, 1/3/2004
Hoàng Vũ

(1) Nơi sinh của Cụ Phan Châu Trinh

(2) Cụ khởi xướng “Phong trào duy tân”

(3) Cụ chủ trương “Dân Trị” thay vì “Quân Trị”

(4) Cụ bị Pháp giam vào ngục “Santé” vì cụ không chịu đi lính cho Pháp đánh Đức, bị vu cáo làm gián điệp cho Đức.

(5) Năm 1922 nhân vua Khải Định sang Paris dự cuộc đấu xảo quốc tế, Cụ gửi cho nhà vua một bức thư hạch ra bảy tội, và yêu cầu Khải Định thoái vị.

(6 & 7) Cụ Phan giảng dạy ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục

Bài Xướng: Tưởng niệm ngày giỗ Cụ Phan Châu Trinh

Đốt nén hương lòng nhớ cụ Phan
Một nhà cách mạng tiếng lừng vang
Bôn ba học hỏi - tâm kinh nghiệm
Cách mạng dân mình - sớm mở mang
Dân trí - dân sinh – thành dân chủ
Nước giàu nước mạnh - mới tài ngang
Tiếc thay nguyện ước chưa thành đạt
Chắc Cụ chưa vui - dưới suối vàng!

Chắc Cụ chưa vui - dưới suối vàng!
Bởi vì dân chúng vẫn lầm than
Chính chuyên vô sản – toàn tham nhũng
Chế độ lưu manh – quá bạo tàn
Bọn chúng cắt dân phần lãnh thổ
Bất cần nể mặt đảng tiền nhân
Linh thiêng hồn Cụ - xin phù hộ
Con cháu sau này - sẽ chỉnh trang.

Vô Tình
(Cựu học sinh PCT/ĐN)